



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Trồng trọt

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ và tên người đăng ký:** Nguyễn Hồ Lam

2. **Ngày tháng năm sinh:** 17/09/1983; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

4. **Quê quán:** xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Hồng Thành, Yên Thành, Nghệ An

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú** (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Thanh Đức, Thanh Chương, Nghệ An

6. **Địa chỉ liên hệ** (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Phòng 303B2, Chung cư Xuân Diệu, Kiệt 43 Xuân Diệu, Tp Huế.

Điện thoại DD: 0916.292.135; E-mail; nguyenhola@hual.edu.vn và nhola@hueuni.edu.vn

7. **Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

- Từ 2006 -2008: Giảng viên, Khoa Nông học, Trường Đại học (ĐH) Nông lâm, Đại học Huế.

- Từ 2009-2010: Học ThS, Đại học Okayama, Nhật Bản.

- Từ 2011-2014: NCS TS, Đại học Kyoto, Nhật Bản. Chủ tịch Hội sinh viên lưu học sinh Việt Nam tại Đại học Kyoto.

- Từ 1/2015-4/2020: Giảng viên, Phó trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế.

- Từ 5/2020-đến nay: Giảng viên, Khoa Nông học, Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Khoa học Cây trồng, Khoa Nông học, Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế.

Địa chỉ cơ quan: 102 Phùng Hưng, thành Phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại cơ quan: 0234 3522 535

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. **Đã nghỉ hưu từ tháng năm**

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp

hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 08 năm 2005; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Trồng trọt.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 03 năm 2010; ngành: Khoa học môi trường; chuyên ngành: Khoa học Môi trường.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Okayama, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 01 năm 2015; ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Khoa học Nông nghiệp

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Kyoto, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày... tháng ... năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Huế

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Bao gồm 3 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

(i) Nghiên cứu đánh giá và tuyển chọn các loại cây trồng có tính chịu hạn và chịu mặn phù hợp cho khu vực miền trung.

(ii) Nghiên cứu hoàn thiện quy trình canh tác, bảo tồn, khai thác và phát triển cây công nghiệp và cây bản địa ở khu vực miền trung và tây nguyên.

(iii) Nghiên cứu đặc điểm, phân bố, nguyên nhân, động thái thay đổi, ảnh hưởng của độ mặn đất đến sản xuất lúa/nông nghiệp ở khu vực miền trung Việt Nam.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng): 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành (số lượng): 04 đề tài; trong đó 03 đề tài NCKH cấp cơ sở Trường ĐH Nông lâm và 01 đề tài NCKH cấp Đại học Huế.

- Đã công bố (số lượng) 21 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong đó 05 bài đứng tên đầu và 01 bài là thành viên bài báo);

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 06; trong đó 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- 2012: Giấy khen của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản về thành tích xuất sắc trong công tác lưu học sinh Việt Nam tại Nhật Bản.

- 2015: Giấy khen của Giám đốc ĐHH về thành tích bảo vệ luận án Tiến sĩ nước ngoài về ĐHH đúng hạn.

- 2016: Giấy chứng nhận Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2015-2016.

- 2018: Quyết định và giấy chứng nhận của Hiệu trưởng về việc Khen thưởng đặc biệt cho 10 nhà

1101 2703/11

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

khoa học đã hoàn thành vượt định mức giờ chuẩn NCKH cao nhất năm học 2017-2018.

- 2019: Quyết định và giấy chứng nhận của Hiệu trưởng về việc Khen thưởng đặc biệt cho 10 nhà khoa học đã hoàn thành vượt định mức giờ chuẩn NCKH cao nhất năm học 2018-2019.

- 2019: Giấy khen của Giám đốc ĐHH về thành tích có bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín năm học 2018-2019.

- 2019: Giấy khen của Giám đốc ĐHH đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2018-2019.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

* Về tiêu chuẩn:

Căn cứ vào quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, tôi tự đánh giá tiêu chuẩn và nhiệm vụ của bản thân như sau:

Có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định của Luật giáo dục và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Hoàn thành nhiệm vụ được giao và thực hiện đủ số giờ tiêu chuẩn giảng dạy theo quy định của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo (Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên).

Có bằng tiến sỹ được cấp từ 23/01/2015 ngành Khoa học Nông nghiệp do Đại học Kyoto, Nhật Bản cấp.

Có 04 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI và scopus từ sau khi bảo vệ thành công Luận án và được cấp bằng tiến sỹ (01/2015). Cả 04 bài này là tác giả chính (first author). Có 01 sách chuyên khảo đã được xuất bản bởi một nhà xuất bản có uy tín (NXB Đại học Huế).

Có đủ số công trình khoa học quy đổi theo quy định của Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng chính phủ, trong đó có ít nhất 2,5 điểm công trình khoa học được thực hiện trong 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ và có ít nhất 6,0 điểm công trình khoa học tính từ các bài báo khoa học.

Bản thân học chương trình ThS và TS, viết và bảo vệ Luận án ThS, TS bằng tiếng anh tại ĐH Okayama và ĐH Kyoto Nhật Bản, vì vậy, bản thân có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) phục vụ cho công tác chuyên môn.

Đã có gần 14 năm liên tục làm nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy trình độ Đại học, trong đó từ năm 2016-nay làm nhiệm vụ giáo dục và giảng dạy trình độ sau đại học.

Đã hướng dẫn thành công 04 học viên cao học bảo vệ thành công Luận văn Thạc sỹ.

Đã chủ trì 03 đề tài cấp cơ sở Trường ĐH Nông Lâm, Đại học Huế và 01 đề tài cấp Đại học Huế; trong đó 1 đề tài xếp loại Đạt và 3 đề tài xếp loại Tốt.

* Về nhiệm vụ:

Thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật giáo dục và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Tham gia giảng dạy trình độ Đại học 03 học phần: (i) Kỹ thuật sản xuất cây công nghiệp, (ii) cây công nghiệp và (iii) cây trồng. Tham gia giảng dạy trình độ cao học 03 học phần: (i) nguyên lý kỹ thuật sản xuất cây công nghiệp dài ngày, (ii) thực tập sản xuất cây trồng và (iii) sản xuất cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu. Biên soạn chương trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách giáo trình phục vụ môn học và tra cứu nghiên cứu chuyên sâu. Hướng dẫn khóa luận và báo cáo tốt nghiệp đại học cho nhiều khóa; hướng dẫn Luận văn ThS cho các học viên ngành Khoa học cây trồng của nhà trường và các nhiệm vụ chuyên môn khác được giao.

Tổ chức nghiên cứu khoa học các lĩnh vực về Khoa học nông nghiệp trọng tâm về: (i) Nghiên cứu đánh giá và tuyển chọn các loại cây trồng có tính chịu hạn và chịu mặn phù hợp cho khu vực miền trung, (ii) nghiên cứu hoàn thiện quy trình canh tác, bảo tồn, khai thác và phát triển cây công nghiệp và cây bản địa ở khu vực miền trung và tây nguyên, (iii) Nghiên cứu đặc điểm, phân bố, nguyên nhân, động thái thay đổi, ảnh hưởng của độ mặn đất đến sản xuất lúa/nông nghiệp ở khu vực miền trung Việt Nam.

Thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đồng nghiệp trẻ trong Khoa nông học và trong nhà trường, triển khai các công việc nghiên cứu ở thực địa ở khu vực miền trung và tây nguyên của Việt Nam.

Tích cực hợp tác và trao đổi nghiên cứu và đào tạo với các đồng nghiệp trong nước như Viện Nông hóa Thổ nhưỡng (SFRI), Viện Dược liệu (NIMM), Trung tâm nghiên cứu và phát triển chè (Viện KHKT nông lâm nghiệp miền núi phía bắc-NOMAFSI), Viện KHKT nông lâm nghiệp tây nguyên (WASI), Viện KHKT nông nghiệp bắc trung bộ (ASINOV), Viện KHKT nông nghiệp duyên hải nam trung bộ (ASISOV). Học viện nông nghiệp Việt Nam (VNUA), Trường ĐH Okayama, Trường Đại học Kyoto, Trường ĐH Hokkaido và Trường ĐH Nông nghiệp Tokyo (Nhật Bản).

Chủ trì và tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở, cấp Đại học Huế, cấp Bộ, cấp huyện, cấp tỉnh, NAFOSTED. Tham gia xây dựng và điều chỉnh đề cương một số học phần bậc Đại học và sau Đại học ở Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế. Giúp đỡ và bồi dưỡng nhiều đồng nghiệp trẻ trong nhà trường trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Như vậy, so sánh với các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của quy định hiện hành, bản thân tôi tự nhận thấy mình có đủ điều kiện để nhận học hàm PGS trong dịp này.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số: 14 năm (1/2006-nay)

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Chính			ĐH	SĐH	
1	2007-2008				04	180	-	180/396/280
2	2009-	Học ThS tại ĐH Okayama, Nhật Bản						

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	2010							
3	2011-2014	NCS TS tại ĐH Kyoto, Nhật Bản						
4	2015-2016			-	02	135	-	135/295/81
5	2016-2017			01	04	90	90	180/421/81
		3 năm học cuối						
6	2017-2018			02	02	70	90	160/423/81
7	2018-2019			01	04	45	180	225/426/81
8	2019-2020			01	04	45	180	225/426/81 (khối lượng thực hiện tương tự năm học 2018-2019)

Ghi chú: Từ 1/2015-4/2020: Bản thân là giảng viên kiêm nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng KHCN-HTQT, được miễn giảm 70% tổng số giờ giảng dạy theo quy định.

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: Việt Nam; Từ năm 2001 đến năm 2005

- Bảo vệ luận văn ThS Tại nước: Nhật Bản: năm 2010; luận án TS Tại nước: Nhật Bản: năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Tiếng Nhật

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Quỳnh Nga		x	x		10/2016-9/2017	Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế	2017 (QĐ số 1325/QĐ-ĐHNL-ĐTSDH ngày 22/11/2017)
2	Huỳnh Thị Thu Hà		x	x		10/2017-9/2018	Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế	2018 (QĐ số 1508/QĐ-ĐHNL ngày 27/11/2018)
3	Trịnh Hưng Quyền		x	x		10/2017-9/2018	Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế	2018 (QĐ số 1508/QĐ-ĐHNL ngày 27/11/2018)
4	Định Thị Thương		x	x		10/2018-9/2019	Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế	2019 (QĐ số 1186/QĐ-ĐHNL ngày 23/12/2019)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau TS (từ 1/2015-nay)							
1	Kỹ thuật sản xuất cây công nghiệp	GT	NXB Đại học Huế; năm 2019	02	CB	1-347	- Giáo trình đã được phân biên và đã được Hội đồng KH&ĐT Trường ĐH Nông lâm – Đại học Huế thẩm định, nghiệm thu. Hội đồng KH&ĐT chứng nhận là Giáo trình được sử dụng làm giáo trình giảng dạy và học tập chính thức cho học phần Kỹ thuật sản xuất cây công nghiệp, mã số học phần “NHOC29702” tại Trường

							ĐH Nông Lâm, Đại học Huế - Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách ngày 30/05/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nông lâm – Đại học Huế
2	Đất nhiễm mặn trồng lúa ven biển: đặc điểm và giải pháp sử dụng	CK	NXB Đại học Huế; năm 2019	02	CB	1-12; 30-78	<p>Cuốn sách chuyên khảo Đất nhiễm mặn trồng lúa ven biển: Đặc điểm và Giải pháp sử dụng có bố cục logic, trình bày súc tích, nhiều kết quả mới lần đầu được công bố ở Việt Nam và trên thế giới. Các kết quả nghiên cứu được thực hiện, phân tích, xử lý từ các thí nghiệm chuyên sâu khác nhau về lĩnh vực nhiễm mặn đất và lúa chống chịu mặn. Phương pháp nghiên cứu và phân tích các chỉ tiêu hóa lý đất và cây lúa là các phương pháp chuẩn quốc tế, thí nghiệm bố trí bài bản, lặp lại nhiều lần, nhiều năm, xử lý thống kê bằng các phần mềm tiên tiến nên có độ tin cậy rất cao. Tài liệu tham khảo chủ yếu là các tài liệu bằng tiếng anh nên có sự so sánh tốt với các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước. Cuốn sách này được sử dụng làm sách chuyên khảo phục vụ cho đào tạo bậc Đại học, sau Đại học (ThS. và TS.) ngành Khoa học Đất, Trồng trọt, Nông học, Bảo vệ thực vật, lĩnh vực Nông Lâm nghiệp.</p> <p>Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách ngày 30/05/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH</p>

HỘI ĐỒNG

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

							Nông lâm – Đại học Huế
3	Kỹ Thuật trồng, chăm sóc và chế biến cà phê	TK	NXB Đại học Huế; năm 2019	01	CB	1-104	<p>Cuốn sách tham khảo Kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến cà phê có bố cục logic, nội dung đảm bảo tính hiện đại, khoa học và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Cuốn sách này được sử dụng làm sách tham khảo phục vụ cho đào tạo bậc Đại học, sau Đại học ngành Trồng trọt, Nông học, Bảo vệ thực vật lĩnh vực Nông Lâm Nghiệp.</p> <p>- Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách ngày 30/05/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nông lâm – Đại học Huế</p>
4	Kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến chè	TK	NXB Nông nghiệp; năm 2017	04	CB	1-101	<p>Cuốn sách tham khảo Kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến Chè có bố cục logic, nội dung đảm bảo tính hiện đại, khoa học và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Cuốn sách này được sử dụng làm sách tham khảo phục vụ cho đào tạo bậc Đại học, sau Đại học ngành Trồng trọt, Nông học, Bảo vệ thực vật lĩnh vực Nông Lâm Nghiệp.</p> <p>- Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách ngày 30/05/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nông lâm – Đại học Huế</p>



Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

5	Kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến Hồ Tiêu	TK	NXB Nông nghiệp; năm 2017	01	CB	1-90	Cuốn sách tham khảo Kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến Hồ Tiêu có bố cục logic, nội dung đảm bảo tính hiện đại, khoa học và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Cuốn sách này được sử dụng làm sách tham khảo phục vụ cho đào tạo bậc Đại học, sau Đại học ngành Trồng trọt, Nông học, Bảo vệ thực vật lĩnh vực Nông Lâm Nghiệp. - Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách ngày 30/05/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nông lâm – Đại học Huế
6	Kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác cây cao su	TK	NXB Nông nghiệp; năm 2016	02	CB	1-64	- Sách kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác cao su là tài liệu tốt và được sử dụng làm sách tham khảo cho đào tạo bậc đại học, sau đại học các ngành Khoa học cây trồng, nông học, công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, bảo vệ thực vật. Nội dung của sách đảm bảo tính hiện đại, khoa học đáp ứng yêu cầu làm sách tham khảo. - Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách ngày 27/10/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nông lâm – Đại học Huế

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang... đến trang... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ luận án TS (<1/2015)					
1	Động thái Lân và pH trong đất phù sa cổ trồng lạc ở khu thí nghiệm Khoa Nông học, Đại học Nông lâm Huế. (ĐT)	CN	TNH-03/cấp cơ sở trường ĐH nông lâm, Đại học Huế	1-12/2011	27/11/2011/Xếp loại: Đạt
Sau khi bảo vệ luận án TS (>1/2015)					
2	Đánh giá đặc tính nông sinh học của tập đoàn giống đậu tương ngắn ngày năng suất cao tại tỉnh Thừa Thiên Huế. (ĐT)	CN	TNH-01/cấp cơ sở trường ĐH nông lâm, Đại học Huế	1-12/2016	27/11/2016/ Xếp loại: Tốt
3	Đánh giá khả năng chịu hạn của một số giống đậu tương triển vọng bằng phương pháp ống rỗng PVC. (ĐT)	CN	TNH-07/cấp cơ sở trường ĐH nông lâm, Đại học Huế	1-12/2018	21/12/2018/ Xếp loại: Tốt
4	Nghiên cứu tuyển chọn giống đậu tương chịu hạn, ngắn ngày, năng suất cao phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng ứng phó với thời tiết hạn hán ở vùng bắc miền trung. (ĐT)	CN	DHH2017-02-96/cấp Đại học Huế	1/2017-12/2018	9/09/2019/ Xếp loại: Tốt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước TS (từ 1/2015 trở về trước)								
1	Rice Cultivation in Vietnam	03 (ISHIGUR O Munehide, TRAN Thi Thu Ha, <u>NGUYEN Ho Lam</u>)		Journal of The Japanese Society of Irrigation, Drainage and Rural Engineering/Online ISSN : 1884-7196 Print ISSN : 1882-277/ DOI: https://doi.org/10.11408/jjsidre.78.7_589			Volume 78, Issue 7, 589-592	2010
2	Cơ chế hấp phụ lân ở môi trường pH _{kcl} kiềm trên đất đỏ vàng (Ferrasol) tại miền Trung Việt Nam.	04 (<u>Nguyễn Hồ Lam</u> , Munehide Ishiguro, Hoàng Thị Nguyên Hải, Nguyễn Hữu Ngữ)	x	Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn/ISSN:1859-4581			11, 43-47	2010
3	Phát triển cà phê của Việt Nam trong những năm gần đây	05 (<u>Nguyễn Hồ Lam</u> , Hoàng Thị Nguyên Hải, Trần Đăng Hòa, Nguyễn Trung Hải, Trần Minh	x	Tạp chí Kinh tế và Sinh thái/ISSN: 1859-2317			36, 90-96	2010

		Trí)						
4	Ảnh hưởng của thời gian và pH _{KCl} đến khả năng hấp phụ lân trên đất đỏ vàng (ferrasol) tại miền Trung Việt Nam	04 (Nguyễn Hồ Lam, Munehide Ishiguro, Hoàng Thị Nguyên Hải, Hoàng Thị Thái Hòa)	x	Tạp chí Khoa học đất/ISSN: 0868-3743			35, 42-46	2010
5	Đánh giá khả năng chịu hạn các giống khoai môn, khoai sọ thu thập ở miền Trung và Tây Nguyên	04 (Nguyễn Vĩnh Trường, Lê Tiến Dũng, Thái Doãn Hùng, Nguyễn Hồ Lam)		Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn/ISSN 1859-4581			3, 147-151	2012
6	Kết quả thực hiện mô hình 3 giảm 3 tăng ở Việt Nam	02 (Nguyễn Hồ Lam, Hoàng Thị Nguyên Hải)	x	Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ISSN (Print) 2588-1191 ISSN (Online) 2615-9708 DOI: 10.26459/jard.v75i6.3161			Tập 75A, Số 6, 75-81	2012
7	Spatiotemporal variability of soil salinity and its effects on rice production	03 (Lam Ho Nguyen, Tetsuhiro Watanabe & Shinya Funakawa)	x	Soil Science and Plant Nutrition (Soil Sci. Plant Nutr.)/ Print ISSN: 0038-0768 Online ISSN: 1747-0765 DOI: https://doi.org/10.10	ISI (Q2).13 IF 1.415 (2018)		60(6): 874-885	2014

	in the north central coastal of Vietnam			80/00380768.2014. 961030				
Sau TS (từ 1/2015-nay)								
8	Nghiên cứu tuyển chọn một số giống lúa lai mới thích hợp cho khu vực bắc miền trung	02 (Nguyễn Hồ Lam, Nguyễn Thị Quỳnh Nga)	x	Tạp chí Nông Nghệ và Phát Triển Nông Thôn/ISSN 1859- 4581 Chuyên đề Giống cây trồng, vật nuôi - Tập 2/http://www.tapchikhoahocnongnghiep.vn/uploads/news/2018_02/3_1.pdf			Tập 2, 20-27	2017
9	Ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của một số đặc điểm nông sinh học đến năng suất cá thể lúa chịu mặn ở Thừa Thiên Huế	01 (Nguyễn Hồ Lam)	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp/ISSN: 1859-0004 http://tapchi.vnua.edu.vn/so-12-2017/			Số 12, 1610- 1616	2017
10	Khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống đậu tương triển vọng tại tỉnh Thừa Thiên Huế	03 (Nguyễn Hồ Lam, Nguyễn Quang Cơ, Trịnh Hung Quyền)	x	Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghệ và Phát triển nông thôn/ISSN (Print) 2588-1191 ISSN (Online) 2615-9708 DOI: 10.26459/hueuni- jard.v127i3B.467			Tập 127, Số 3B, 71- 81	2018
11	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát	02 (Nguyễn Hồ Lam,	x	Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghệ và Phát			Tập 127, Số 3A, 97-	2018



	triển và cho năng suất của một số giống lúa lai mới tại Hà Tĩnh	Nguyễn Thị Quỳnh Nga)		triển nông thôn/ISSN (Print) 2588-1191 ISSN (Online) 2615-9708 DOI: 10.26459/hueuni-jard.v127i3A.4336			107	
12	Tương quan giữa độ mặn đất và các đặc điểm nông sinh học của một số giống lúa chịu mặn	01 (Nguyễn Hồ Lam)	x	Tạp chí Khoa học Đại học cần thơ/ ISSN: 1859 - 2333 DOI:10.22144/ctu.jvn.2018.042			Tập 54, Số 3B, 75-83	2018
13	Đánh giá hiện trạng sản xuất cao su tiêu điền tại tỉnh Thừa Thiên Huế	04 (Trần Phương Đông, Trần Đăng Hòa, Nguyễn Hồ Lam , Hoàng Kim Toàn)		Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ISSN (Print) 2588-1191 ISSN (Online) 2615-9708 DOI: 10.26459/hueuni-jard.v127i3B.4640			Tập 127, Số 3B, 45-58	2018
14	Thực trạng sản xuất cây quýt Hương Cần tại tỉnh Thừa Thiên Huế	06 (Trần Đăng Khoa, Trần Thị Xuân Phương, Nguyễn Hồ Lam , Phạm Thị Mùi, Hoàng Kim		Tạp chí Khoa học & Công nghệ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế/ISSN: 2588-1256			Tập 2(1), 489-498	2018

		Toàn, Trần Đặng Hòa)						
15	Khảo nghiệm một số giống lúa có khả năng chịu hạn tại Quảng Nam	05 (Trịnh Thị Sen, Phan Thị Phương Nhi, Nguyễn Thị Vân, <u>Nguyễn Hồ Lam</u> , Phạm Thị Ngọc Diệp)		Tạp chí Khoa học & Công nghệ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế/ ISSN: 2588-1256			Tập 2(3), 951-960	2018
16	Nghiên cứu mối quan hệ giữa độ mặn đất, năng suất lúa và một số tính chất hóa tính của đất trồng lúa bị nhiễm mặn ở bắc trung bộ	01 (<u>Nguyễn Hồ Lam</u>)	x	Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn/ISSN 1859-4581			Số 11, 29-35	2018
17	Performance of salt-tolerant rice cultivars under different soil salinity levels in Central Vietnam	02 (<u>H.L. Nguyen</u> and D.H. Tran)	x	Research on Crops (<i>Res. on Crops</i>)/ Print ISSN : 0972-3226; Online ISSN : 2348-7542 DOI: 10.31830/2348-7542.2019.066 https://www.indianjournals.com/ijor.aspx?target=ijor:rcr&volume=20&issue=3&type=toc	Scopus		20(3): 461-467	2019
18	Field evaluation of	02 (<u>H.L.</u>)	x	Research on Crops (<i>Res. on Crops</i>)/	Scopus		20 (4): 685-689	2019

	newly introduced hybrid rice cultivars in Central Vietnam	Nguyen and D.H. Tran)		Print ISSN : 0972-3226; Online ISSN : 2348-7542 DOI: 10.31830/2348-7542.2019.100 https://www.indianjournals.com/ijor.aspx?target=ijor.rcr&volume=20&issue=4&type=toc				
19	Thực trạng sản xuất và phát triển cây chè dây (Ampelopsis cantoniensis (Hook. & Arn.) Planch) tại xã Tư, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	05 (Nguyễn Hồ Lam, Trần Phương Đông, Phạm Việt Tích, Lê Hoàng, Nguyễn Tấn Tuấn)	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp/ISSN: 1859-0004			Vol. 17, No. 6, 443-453	2019
20	Path analysis for agronomic traits and yield of salt tolerant rice cultivars under moderate salinity condition in Central Vietnam	02 (H.L. Nguyen. P.D. Tran and D.H. Tran)	x	Indian Journal of Agricultural Research (Indian J. Agric. Res.,)/ Print ISSN: 0367-8245; Online ISSN: 0976-058X DOI: 10.18805/IJAr.A-431 https://arccjournals.com/journal/indian-journal-of-agricultural-research/A-431	ISI (Q3)		54(1): 107 - 111	2020
21	Saline soils and crop production in	02 (H.L. Nguyen	x	Pakistan Journal of Botany (<i>Pak. J. Bot.</i> ,)/ print: ISSN	ISI (Q3)		52(4): 1327-1333	2020

coastal zones of Vietnam: features, strategies for amelioration and management	and D.H. Tran)	0556-3321; online: ISSN 2070-3368 DOI: http://dx.doi.org/10.30848/PJB2020-4(18) http://pakbs.org/pjbot/				
--	----------------	---	--	--	--	--

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **04**

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Năm 2015 và 2016, bản thân được BCN Khoa Nông học, Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế phân công xây dựng và điều chỉnh đề cương 3 học phần giảng dạy cho bậc cao học ThS bao gồm: (i) nguyên lý sản xuất cây công nghiệp dài ngày, (ii) thực tập sản xuất cây trồng và (iii) sản xuất cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu. Năm 2017, bản thân được phân công thực hiện việc xây dựng và điều chỉnh đề cương 02 học phần (i) Kỹ thuật sản xuất cây công nghiệp và (ii) cây công nghiệp dài ngày giảng dạy bậc Đại học. Đầu năm 2020, bản thân tham gia xây dựng đề

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

cương 02 học phần (i) Khoa học đất nâng cao và (ii) sản xuất nông nghiệp hữu cơ thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ cho chương trình đào tạo trình độ TS bằng tiếng Anh tại Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hồ Lam